

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 35

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước theo Quyết định số 2098/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105140, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 17 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 557 3681
- Fax : 0243 557 3682

### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. *Chi tiết: Xây lắp các công trình giao thông, thủy điện, bưu điện, hệ thống điện đến 220KV, hệ thống cấp thoát nước công nghiệp và dân dụng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh nhà máy điện;*
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. *Chi tiết: Cho thuê thiết bị, cần trục.*

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh Vật tư Vận tải	Số 133, phố Lục Đầu Giang, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Xí nghiệp Sông Đà 12.4	Số 55 Quốc lộ 5, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Xí nghiệp Sông Đà 12.16	Tổ 6, Khu II, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Viết	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Đào Tuấn Khôi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Thế Hệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Sơn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Hoàng Văn Thái	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Đỗ Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Anh Thái	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Sỹ Linh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Thọ Hiếu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 13 tháng 02 năm 2020
Ông Trần Thế Hệ	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Hải - Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13 tháng 02 năm 2020).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Văn Hải



Số: 2.0290/21/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty không thu thập được báo cáo tài chính năm 2020 và nhiều năm trước của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 Nguyên Lộc nên đã trích dự phòng theo dự kiến tổn thất bằng toàn bộ giá trị khoản đầu tư (không bao gồm khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác), số tiền là 4.507.900.000 VND (xem thuyết minh số V.2b). Việc trích dự phòng như vậy là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết này.



Một số khoản công nợ phải trả chưa đối chiếu xác nhận, bao gồm:

Khoản mục	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
Phải trả người bán ngắn hạn	18.717.174.448	21.683.821.392
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.255.345.300	4.843.496.721
Phải trả ngắn hạn khác	12.418.301.615	16.002.444.678
Phải trả dài hạn khác	6.717.810.000	6.717.810.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.657.011.225	136.497.674
<b>Cộng</b>	<b>45.765.642.588</b>	<b>49.384.070.465</b>

Bảng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận số dư các khoản công nợ phải trả này.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về khoản lỗ thuần 8.451.645.981 VND của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 146.260.217.502 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.474.199.067</b>	<b>48.595.429.707</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>102.204.728</b>	<b>654.196.561</b>
1. Tiền	111		102.204.728	654.196.561
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.194.393.090</b>	<b>2.480.552.600</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	5.141.078.364	5.141.078.364
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.400.775.565)	(2.660.525.764)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	454.090.291	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.683.492.971</b>	<b>21.500.025.484</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	42.752.056.585	48.434.128.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.095.211.910	5.035.135.910
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	65.107.442.703	64.873.996.111
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(97.915.700.034)	(97.641.939.211)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	644.481.807	798.704.436
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>20.482.692.139</b>	<b>19.993.216.987</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.121.022.787	21.631.547.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.638.330.648)	(1.638.330.648)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.011.416.139</b>	<b>3.967.438.075</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	48.685.716	54.114.286
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.962.730.423	3.913.323.789
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.874.499.226</b>	<b>86.189.161.695</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>79.174.207.496</b>	<b>79.174.207.496</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	79.174.207.496	79.174.207.496
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.712.264.766</b>	<b>2.005.900.678</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.256.921.545	1.511.935.841
<i>Nguyên giá</i>	222		20.188.231.374	20.269.285.919
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.931.309.829)	(18.757.350.078)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	455.343.221	493.964.837
<i>Nguyên giá</i>	228		999.709.888	999.709.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(544.366.667)	(505.745.051)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2c	<b>4.969.600.000</b>	<b>4.969.600.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.080.000.000	7.080.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.397.500.000	2.397.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.507.900.000)	(4.507.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.426.964</b>	<b>39.453.521</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	18.426.964	39.453.521
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>130.348.698.293</b>	<b>134.784.591.402</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>275.459.579.197</b>	<b>271.456.096.578</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>190.722.146.316</b>	<b>186.718.663.697</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	58.039.740.806	58.126.310.527
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.347.241.585	10.414.119.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	42.463.301.094	39.351.521.824
4. Phải trả người lao động	314		7.124.627.525	6.201.207.409
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12.821.647.764	12.849.326.027
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	55.610.156.178	52.418.615.556
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	7.315.431.364	7.357.563.328
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.737.432.881</b>	<b>84.737.432.881</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	84.737.432.881	84.737.432.881
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

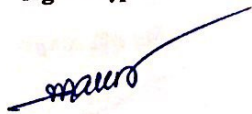
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(145.110.880.904)</b>	<b>(136.671.505.176)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>(145.110.880.904)</b>	<b>(136.671.505.176)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.777.278.787	15.777.278.787
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(210.888.159.691)	(202.448.783.963)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(202.448.783.963)	(202.448.783.963)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.439.375.728)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>130.348.698.293</b>	<b>134.784.591.402</b>

Người lập biểu



Mai Thị Hợi

Phụ trách kế toán



Mai Thị Hợi



Nguyễn Văn Hải

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	757.776.354	3.187.887.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	414.998.042	102.263.825
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		342.778.312	3.085.623.210
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	828.508.296	16.691.414.416
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(485.729.984)	(13.605.791.206)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		20.081.202	21.667.810
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	57.267.600	3.949.859.186
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.317.017.799	1.163.173.521
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.120.887.651	8.531.090.129
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.643.804.033)	(26.065.072.711)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	317.054.575	370.184.182
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.112.626.270	1.268.569.671
13. Lợi nhuận khác	40		(3.795.571.695)	(898.385.489)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.439.375.728)	(26.963.458.200)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.439.375.728)	(26.963.458.200)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.688)	(5.393)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(1.688)	(5.393)

Người lập biểu

Mai Thị Hợi

Phụ trách kế toán

Mai Thị Hợi



Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(8.439.375.728)	(26.963.458.200)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10;11	293.635.912	1.383.154.736
- Các khoản dự phòng	03 VI.5	(985.989.376)	7.929.491.231
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.6	(9.145.455)	(265.818.182)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	1.317.017.799	1.163.173.521
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.823.856.848)	(16.753.456.894)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.493.365.056	19.387.637.529
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(489.475.152)	11.441.311.272
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.932.811.289	(13.486.517.728)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	26.455.127	21.580.243
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(211.361.934)	(175.439.264)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(72.062.462)</b>	<b>435.115.158</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.145.455	265.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(454.090.291)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(444.944.836)</b>	<b>265.818.182</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(34.984.535)	(308.500.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(34.984.535)</b>	<b>(308.500.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(551.991.833)</b>	<b>392.433.340</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>654.196.561</b>	<b>261.763.221</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>102.204.728</b>	<b>654.196.561</b>

Người lập biểu

Mai Thị Hợi

Phụ trách kế toán

Mai Thị Hợi



Đ lập, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải

áo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. *Chi tiết: Xây lắp các công trình giao thông, thủy điện, bưu điện, hệ thống điện đến 220KV, hệ thống cấp thoát nước công nghiệp và dân dụng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh nhà máy điện;*
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. *Chi tiết: Cho thuê thiết bị, cần trục.*

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc có trụ sở đăng ký tại Phòng 603, Tầng 6 - CT4, khu đô thị mới Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Đã hơn 5 năm Công ty không có thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty này.

##### Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh Vật tư Vận tải	Số 133, phố Lục Đầu Giang, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Xí nghiệp Sông Đà 12.4	Số 55 Quốc lộ 5, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Xí nghiệp Sông Đà 12.16	Tổ 6, Khu II, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 22 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 22 nhân viên).



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).  
  
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tiền**  
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản đầu tư tài chính**  
**Chứng khoán kinh doanh**  
Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.  
  
Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.  
  
Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
  - Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
  - Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Do nhiều năm không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 Nguyên Lộc nên Công ty đánh giá tổn thất của khoản đầu tư này bằng toàn bộ số vốn đã góp của Công ty và trích dự phòng theo số tổn thất đã đánh giá.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Toàn bộ khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được đầu tư bằng vốn nhận ủy thác của các cá nhân nên Công ty không trích dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có), mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác của công trình xây lắp chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê văn phòng và công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí thuê văn phòng*

Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10
Tài sản cố định khác	04-25

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (25 năm).

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **10. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### 14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	74.209.697	24.006.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.995.031	630.189.870
<b>Cộng</b>	<b><u>102.204.728</u></b>	<b><u>654.196.561</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (*)	815.000.000	-	-	815.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (SDP)	1.323.404.364	154.856.319	(1.168.548.045)	1.323.404.364	175.261.800	(1.148.142.564)
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (SCL)	3.000.000.000	2.768.601.000	(231.399.000)	3.000.000.000	1.488.300.000	(1.511.700.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (SCC)	400.000	83.880	(316.120)	400.000	176.000	(224.000)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (STP)	300.000	197.600	(102.400)	300.000	140.400	(159.600)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (SHN)	1.974.000	1.564.000	(410.000)	1.974.000	1.674.400	(299.600)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.141.078.364</u></b>	<b><u>(1.400.775.565)</u></b>	<b><u>5.141.078.364</u></b>	<b><u>5.141.078.364</u></b>	<b><u>(2.660.525.764)</u></b>	<b><u>(2.660.525.764)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.660.525.764	2.875.266.564
Hoàn nhập dự phòng	(1.259.750.199)	(214.740.800)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.400.775.565</u></b>	<b><u>2.660.525.764</u></b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư không có giá niêm yết.

**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>7.080.000.000</b>	<b>(4.507.900.000)</b>	<b>7.080.000.000</b>	<b>(4.507.900.000)</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc <sup>(i)</sup>	7.080.000.000	(4.507.900.000)	7.080.000.000	(4.507.900.000)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <sup>(ii)</sup></b>	<b>2.397.500.000</b>	<b>-</b>	<b>2.397.500.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc	1.940.000.000		1.940.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess	457.500.000		457.500.000	
<b>Cộng</b>	<b>9.477.500.000</b>	<b>(4.507.900.000)</b>	<b>9.477.500.000</b>	<b>(4.507.900.000)</b>

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc 7.080.000.000 VND, trong đó đầu tư bằng vốn nhận ủy thác đầu tư của các cá nhân là 2.572.100.000 VND.

(ii) Toàn bộ khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được đầu tư bằng vốn nhận ủy thác của các cá nhân.

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư không có giá niêm yết.

**Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết**

Đã nhiều năm Công ty không có thông tin về tình hình hoạt động của Công ty liên kết và cũng không thu thập được báo cáo tài chính hàng năm của Công ty này. Thư xác nhận khoản đầu tư được Công ty gửi đến địa chỉ trên đăng ký kinh doanh nhưng đã bị trả lại.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.507.900.000	1.506.473.535
Trích lập dự phòng bổ sung	-	3.001.426.465
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.507.900.000</b>	<b>4.507.900.000</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>7.848.831.169</b>	<b>8.362.901.153</b>
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	7.773.481.195	8.241.919.828
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	3.692.587.728	3.319.196.398
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	4.080.893.467	4.922.723.430
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - Chi nhánh 6.02	4.523.825	4.523.825
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Xí nghiệp 10.3	-	45.631.351
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	70.826.149	70.826.149
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>34.903.225.416</b>	<b>40.071.227.085</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	2.737.964.535	3.237.964.535
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.949.817.085	8.385.860.791
Công ty TNHH Hà Phát	7.435.379.324	7.435.379.324
Các khách hàng khác	18.780.064.472	21.012.022.435
<b>Cộng</b>	<b>42.752.056.585</b>	<b>48.434.128.238</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hà Phát	1.985.340.204	1.985.340.204
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	814.428.083	814.428.083
Các nhà cung cấp khác	2.295.443.623	2.235.367.623
<b>Cộng</b>	<b>5.095.211.910</b>	<b>5.035.135.910</b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.725.284.171</i>	<i>(1.725.284.171)</i>	<i>1.725.284.171</i>	<i>(1.725.284.171)</i>
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	1.725.284.171	(1.725.284.171)	1.725.284.171	(1.725.284.171)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>63.382.158.532</i>	<i>(61.097.541.942)</i>	<i>63.148.711.940</i>	<i>(58.867.574.172)</i>
Tạm ứng	28.107.889.540	(26.668.332.327)	27.957.060.288	(24.661.007.051)
Ký cược, ký quỹ	363.141.900	-	363.141.900	-
Công ty TNHH Hà Phát	706.221.097	(706.221.097)	706.221.097	(706.221.097)
- Lãi cho vay				
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	158.936.177	(158.936.177)	158.936.177	(158.936.177)
- Lãi cho vay				
Lãi cho vay các đội thi công	3.239.402.838	(3.239.402.838)	3.239.402.838	(3.239.402.838)
Phải thu khác các đội thi công	29.779.839.448	(29.490.763.108)	29.734.362.916	(29.273.778.097)
Các khoản khác	1.026.727.532	(833.886.395)	989.586.724	(828.228.912)
<b>Cộng</b>	<b>65.107.442.703</b>	<b>(62.822.826.113)</b>	<b>64.873.996.111</b>	<b>(60.592.858.343)</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.600.000	-	3.600.000	-
Công ty Sản xuất Thương mại BMM	79.170.607.496	-	79.170.607.496	-
- Vốn góp liên doanh (*)				
<b>Cộng</b>	<b>79.174.207.496</b>	<b>-</b>	<b>79.174.207.496</b>	<b>-</b>

(\*) Theo hợp đồng liên doanh số 107/2008/HĐLD ngày 05/6/2008 về việc liên danh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông giữa Công ty với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (Sau đây gọi tắt là "BMM") thì BMM góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và tiền đầu tư tương đương tỷ lệ 51%, Công ty góp vốn bằng giá trị xây lắp tương đương tỷ lệ 49%. Tổng vốn đầu tư của dự án theo quyết định số 14/QĐ/BQLDA ngày 06/8/2009 là 312.786.000.000 VND. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 49% thu nhập sau thuế của Dự án. Trong quá trình thực hiện, hai bên đã ký kết các phụ lục điều chỉnh:

- Phụ lục hợp đồng liên danh số 02/2013/HĐLD SĐ12-BMM ngày 30/9/2013: BMM góp vốn bằng tiền, giá trị công trình và vật tư tương đương với 80% giá trị đầu tư của dự án, Công ty góp vốn bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư của dự án. Công ty được quyền sử dụng, khai thác, kinh doanh toàn bộ diện tích tầng 4 và được chia 20% kết quả kinh doanh tính trên doanh thu của 62 căn hộ thương mại thuộc quyền sở hữu của Công ty sau khi trừ đi 20% tổng chi phí của dự án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phụ lục hợp đồng liên danh số 03/2016/HĐLD SĐ12-BMM ngày 25/01/2016: BMM nhận lại phần vốn đầu tư của tầng 4 trị giá 7.776.000.000 VND từ Công ty và chuyển trả lại phần vốn góp tương ứng phần vốn góp đầu tư của tầng 4 cho Công ty.

Hiện tại dự án đã bàn giao các căn hộ cho người mua và hai bên đang đàm phán để thống nhất giá trị quyết toán dự án đầu tư. Số dư các khoản mục liên quan đến quyết toán Hợp đồng liên danh này bao gồm:

- + Số tiền mà Công ty Cổ phần Sông Đà 12 đã thu của khách hàng mua nhà là 78.019.622.881 VND (khoản mục "Phải trả dài hạn khác"), trong đó: tương ứng với 62 căn hộ thuộc quyền sở hữu là 57.760.396.881 VND, tương ứng với 12 căn hộ thuộc sở hữu của BMM là 12.483.226.000 VND, sàn tầng 4 là 7.776.000.000 VND;
- + Số tiền mà Công ty Cổ phần Sông Đà 12 đã chuyển cho BMM là 79.170.607.496 VND bao gồm:
  - + Góp vốn bằng tiền: 53.482.797.911 VND
  - + Góp bằng vật tư và đối trừ bê tông: 21.431.479.141 VND
  - + Các khoản thu hộ khác: 3.589.904.989 VND
  - + Góp bằng gán trừ công nợ: 666.425.424 VND

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	<i>1.725.284.171</i>	<i>(1.725.284.171)</i>	<i>1.725.284.171</i>	<i>(1.725.284.171)</i>
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	1.725.284.171	(1.725.284.171)	1.725.284.171	(1.725.284.171)
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>105.679.943.657</i>	<i>(96.190.415.863)</i>	<i>106.967.689.115</i>	<i>(95.916.655.040)</i>
Công ty TNHH Hà Phát	10.126.940.625	(10.126.940.625)	10.126.940.625	(10.126.940.625)
Tiền cung cấp dịch vụ	7.435.379.324	(7.435.379.324)	7.435.379.324	(7.435.379.324)
Tiền ứng trước	1.985.340.204	(1.985.340.204)	1.985.340.204	(1.985.340.204)
Tiền lãi vay	706.221.097	(706.221.097)	706.221.097	(706.221.097)
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	5.949.817.085	(1.255.103.767)	8.385.860.791	(896.022.976)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	2.737.964.535	(2.737.964.535)	3.237.964.535	(3.237.964.535)
Các đối tượng khác	86.865.221.412	(82.070.406.936)	85.216.923.164	(81.655.726.904)
<b>Cộng</b>	<b>107.405.227.828</b>	<b>(97.915.700.034)</b>	<b>108.692.973.286</b>	<b>(97.641.939.211)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	97.641.939.211	93.356.316.511
Trích lập dự phòng bổ sung	273.760.823	4.285.622.700
Số cuối năm	<b>97.915.700.034</b>	<b>97.641.939.211</b>

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	556.401.857	556.401.857
Hàng tồn kho	88.079.950	242.302.579
<b>Cộng</b>	<b>644.481.807</b>	<b>798.704.436</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.478.887	(38.198.887)	39.478.887	(38.198.887)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.481.412.139	-	19.991.936.987	-
Thành phẩm	178.938.830	(178.938.830)	178.938.830	(178.938.830)
Hàng hóa	1.421.192.931	(1.421.192.931)	1.421.192.931	(1,421,192,931)
<b>Cộng</b>	<b>22.121.022.787</b>	<b>(1.638.330.648)</b>	<b>21.631.547.635</b>	<b>(1.638.330.648)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.638.330.648	781.147.783
Trích lập dự phòng bổ sung	-	857.182.865
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.638.330.648</b>	<b>1.638.330.648</b>

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cước internet	685.716	4.114.286
Chi phí thuê văn phòng	48.000.000	48.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.685.716</b>	<b>54.114.286</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê kho	-	6.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	18.426.964	33.453.521
<b>Cộng</b>	<b>18.426.964</b>	<b>39.453.521</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	4.787.026.944	14.012.697.804	1.109.668.181	359.892.990	20.269.285.919
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(81.054.545)	(81.054.545)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.787.026.944</b>	<b>14.012.697.804</b>	<b>1.109.668.181</b>	<b>278.838.445</b>	<b>20.188.231.374</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.862.093.287	13.654.596.248	1.109.668.181	278.838.445	16.905.196.161
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.351.044.485	13.936.744.422	1.109.668.181	359.892.990	18.757.350.078
Khấu hao trong năm	205.926.120	49.088.176	-	-	255.014.296
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(81.054.545)	(81.054.545)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.556.970.605</b>	<b>13.985.832.598</b>	<b>1.109.668.181</b>	<b>278.838.445</b>	<b>18.931.309.829</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.435.982.459	75.953.382	-	-	1.511.935.841
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.230.056.339</b>	<b>26.865.206</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.256.921.545</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	965.540.364	34.169.524	999.709.888
<b>Số cuối năm</b>	<b>965.540.364</b>	<b>34.169.524</b>	<b>999.709.888</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	34.169.524	34.169.524
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	471.575.527	34.169.524	505.745.051
Khấu hao trong năm	38.621.616	-	38.621.616
<b>Số cuối năm</b>	<b>510.197.143</b>	<b>34.169.524</b>	<b>544.366.667</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	493.964.837	-	493.964.837
<b>Số cuối năm</b>	<b>455.343.221</b>	<b>-</b>	<b>455.343.221</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>4.944.734.903</b>	<b>4.972.520.131</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.695.912.536	2.695.912.536
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	2.302.179.139	2.302.179.139
BĐH dự án thủy điện Sơn La	278.419.069	278.419.069
BĐH dự án thủy điện Huội Quảng	115.314.328	115.314.328
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	2.243.128.578	2.243.128.578
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	5.693.789	33.479.017
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>53.095.005.903</b>	<b>53.153.790.396</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	10.452.613.946	10.452.613.946
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	4.649.999.979	4.649.999.979
Công ty Cổ phần Chiến Thắng	3.444.663.099	3.444.663.099
Công ty Cổ phần Thuận Phát	3.281.329.374	3.281.329.374
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	2.018.226.561	2.018.226.561
Các nhà cung cấp khác	29.248.172.944	29.306.957.437
<b>Cộng</b>	<b><u>58.039.740.806</u></b>	<b><u>58.126.310.527</u></b>
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu	18.717.174.448	21.683.821.392

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>2.747.117.285</b>	<b>3.634.578.599</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.747.117.285	3.634.578.599
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	1.145.959.608	1.145.959.608
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	1.601.157.677	2.488.618.991
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>4.600.124.300</b>	<b>6.779.540.427</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sạp Việt	3.800.000.000	3.800.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	1.936.043.706
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia - Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Bắc	200.450.873	200.450.873
Các khách hàng khác	599.673.427	843.045.848
<b>Cộng</b>	<b><u>7.347.241.585</u></b>	<b><u>10.414.119.026</u></b>
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu	4.255.345.300	4.843.496.721

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.226.279.505	78.533.810	(76.512.255)	(41.499.804)	11.186.801.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.813.016.696	-	-	-	7.813.016.696
Thuế thu nhập cá nhân	1.138.747.112	11.416.088	-	(839.561)	1.149.323.639
Tiền thuê đất	251.862.984	284.087.424	(118.141.834)	-	417.808.574
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.921.615.527	2.974.735.402	-	-	21.896.350.929
<b>Cộng</b>	<b><u>39.351.521.824</u></b>	<b><u>3.354.772.724</u></b>	<b><u>(200.654.089)</u></b>	<b><u>(42.339.365)</u></b>	<b><u>42.463.301.094</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.439.375.728)	(26.963.458.200)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.759.467.899	17.918.035.011
- Các khoản điều chỉnh giảm	4.759.467.899	17.918.035.011
	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>(3.679.907.829)</u>	<u>(9.045.423.189)</u>
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Tiền thuê đất, thuế nhà đất**

Tiền thuê đất, thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>641.225.959</b>	<b>641.225.959</b>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	641.225.959	641.225.959
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>12.180.421.805</b>	<b>12.208.100.068</b>
Chi phí công trình	11.942.369.249	11.942.369.249
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	238.052.556	265.730.819
<b>Cộng</b>	<u><b>12.821.647.764</b></u>	<u><b>12.849.326.027</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**16. Phải trả khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>6.300.000</i>	<i>6.300.000</i>
Thù lao HĐQT	6.300.000	6.300.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>55.603.856.178</i>	<i>52.412.315.556</i>
Kinh phí công đoàn	526.128.521	489.626.303
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.532.604.886	10.180.455.306
Lãi chậm nộp bảo hiểm	9.111.776.731	8.003.062.945
Phải trả về cổ phần hóa	591.473.824	591.473.824
Lãi vay phải trả	7.328.748.621	6.223.092.756
Cổ tức phải trả	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả khách hàng mua chung cư BMM	16.880.388.424	16.689.087.150
<i>Trong đó: Tiền mua chung cư</i>	<i>14.433.507.150</i>	<i>14.433.507.150</i>
<i>Lãi chậm trả</i>	<i>2.446.881.274</i>	<i>2.255.580.000</i>
Phải trả các đội thi công công trình	515.724.944	520.539.034
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.617.010.227	2.214.978.238
<b>Cộng</b>	<b>55.610.156.178</b>	<b>52.418.615.556</b>
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu	12.418.301.615	16.002.444.678

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thu từ bán căn hộ chờ quyết toán với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (Xem thuyết minh V.5a)	78.019.622.881	78.019.622.881
Phải trả tiền nhận ủy thác đầu tư của các cá nhân	6.717.810.000	6.717.810.000
<b>Cộng</b>	<b>84.737.432.881</b>	<b>84.737.432.881</b>
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu	6.717.810.000	6.717.810.000

**17. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Đông Trọng Thịnh <sup>(i)</sup>	800.000.000	800.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(ii)</sup>	6.515.431.364	6.557.563.328
<b>Cộng</b>	<b>7.315.431.364</b>	<b>7.357.563.328</b>
Trong đó: Khoản vay chưa được đối chiếu	3.657.011.225	136.497.674

(i) Vay Công ty Cổ phần Thương mại Đông Trọng Thịnh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2017/HĐTD/S12-CT ngày 06/12/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 02 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với từng cá nhân, thời hạn vay không xác định. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.357.563.328	8.472.433.308
Số tiền vay đã trả	(34.984.535)	(308.500.000)
Giảm do bù trừ công nợ	(7.147.429)	(806.369.980)
Số cuối năm	<u>7.315.431.364</u>	<u>7.357.563.328</u>

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	15.777.278.787	(175.485.325.763)	(109.708.046.976)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(26.963.458.200)	(26.963.458.200)
Số dư cuối năm trước	<u>50.000.000.000</u>	<u>15.777.278.787</u>	<u>(202.448.783.963)</u>	<u>(136.671.505.176)</u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	15.777.278.787	(202.448.783.963)	(136.671.505.176)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(8.439.375.728)	(8.439.375.728)
Số dư cuối năm nay	<u>50.000.000.000</u>	<u>15.777.278.787</u>	<u>(210.888.159.691)</u>	<u>(145.110.880.904)</u>

##### 18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	418.329.690	149.608.507
Doanh thu hợp đồng xây dựng	339.446.664	3.038.278.528
<b>Cộng</b>	<b><u>757.776.354</u></b>	<b><u>3.187.887.035</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng công ty Sông Đà - CTCP</b>		
Doanh thu khối lượng xây lắp	339.446.664	2.577.338.528

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Là các khoản doanh thu bị cắt giảm khi quyết toán công trình.

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	426.250.408	377.731.278
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	2.876.165.678
Giá vốn vượt sản lượng	402.257.888	12.580.334.594
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	857.182.866
<b>Cộng</b>	<b><u>828.508.296</u></b>	<b><u>16.691.414.416</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.317.017.799	1.163.173.521
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.259.750.199)	2.786.685.665
<b>Cộng</b>	<b><u>57.267.600</u></b>	<b><u>3.949.859.186</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.595.642.823	2.726.557.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.374.996	4.374.996
Thuế, phí và lệ phí	23.691.696	30.168.992
Dự phòng phải thu khó đòi	273.760.823	4.285.622.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	533.023.207	712.101.959
Các chi phí khác	690.394.106	772.264.312
<b>Cộng</b>	<b><u>4.120.887.651</u></b>	<b><u>8.531.090.129</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.145.455	265.818.182
Lãi thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	6.363.636	-
Thu nhập từ cho thuê nhà, thuê bãi, thuê đất	301.545.484	103.755.000
Thu nhập khác	-	611.000
<b>Cộng</b>	<b><u>317.054.575</u></b>	<b><u>370.184.182</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	2.116.471	-
Lãi chậm nộp thuế	2.974.735.402	-
Lãi chậm nộp BHXH	1.108.713.786	1.052.077.717
Chi phí khác	27.060.611	216.491.954
<b>Cộng</b>	<b><u>4.112.626.270</u></b>	<b><u>1.268.569.671</u></b>

#### 8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.439.375.728)	(26.963.458.200)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(8.439.375.728)	(26.963.458.200)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>(1.688)</u></b>	<b><u>(5.393)</u></b>

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.192.129	-
Chi phí nhân công	3.024.191.308	3.688.641.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.635.912	1.383.154.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.646.715	2.883.849.236
Chi phí dự phòng	273.760.823	4.285.622.700
Chi phí khác	999.444.212	1.108.924.559
<b>Cộng</b>	<b><u>5.438.871.099</u></b>	<b><u>13.350.193.070</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương, cụ thể:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Văn Hải - Tổng Giám đốc	193.164.274	-
Ông Hoàng Văn Thái - Tổng Giám đốc	28.189.898	209.633.182
Ông Trần Thế Hệ - Phó Tổng Giám đốc	144.435.334	-
Cộng	<u>365.789.506</u>	<u>209.633.182</u>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### Bên liên quan khác

Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc

##### Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài giao dịch với bên liên quan khác trình bày tại thuyết minh số VI.1, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và trên lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty tiếp tục bị lỗ 8.439.375.728 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 210.888.159.691 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 146.247.947.249 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty vẫn đang tìm kiếm các biện pháp tài chính hợp lý để duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới. Do đó, Báo cáo tài chính vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

#### 4. Thông tin về tranh chấp, kiện tụng

Theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai về việc kiện tranh chấp nhận hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2, buộc Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 phải trả số tiền gốc còn nợ là 2.737.964.536 VND và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 30/6/2020 là 2.357.718.738 VND. Hiện tại, cả 2 bên đang thực hiện kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm và chờ xét xử vào ngày 01/4/2021.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Mai Thị Hợi  
Người lập biểu

Mai Thị Hợi  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2021

